TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2017
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã XP, huyện LM, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã TH, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Đoàn Văn Đ có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã XP, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 194 ngày 02/11/2009. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng, anh Đ thường xuyên chửi mắng và hành hung chị, mặc dù đã tìm cách hàn gắn nhưng

không thành. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Nguyễn Hữu N (nam) sinh ngày 13/01/2011 và Đoàn Nguyễn Như H (nữ) sinh ngày 11/8/2016. Cháu N đang sống chung với anh Đâu; cháu H hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu N và cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đoàn Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huệ T thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần con chung. Chị T đồng ý giao cháu Hữu N cho anh Đ nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi cháu Như H và chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Các phần khác chị vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LM trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ T, cho ly hôn giữa chị T và anh Đ; giao con chung là cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng và cháu H cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với anh Đoàn Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Đoàn Văn Đ nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Huệ T và anh Đoàn Văn Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh Đ, thì xác định được: Vợ chồng họ không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng họ thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị T và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh Đ.

[2]. *Về con chung:* Chị T và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Nguyễn Hữu N (nam) sinh ngày 13/01/2011 và Đoàn Nguyễn Như H (nữ) sinh ngày 11/8/2016. Từ khi chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay thì con chung là cháu Như H, chưa tròn 03 tuổi và đang sống với chị T, được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Như H cho chị T nuôi dưỡng. Chị T chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với cháu Đoàn Nguyễn Hữu N, chị T xác định từ trước đến nay cháu sống chung với chị và anh Đ tại nhà cha mẹ chồng. Sau khi chị và anh Đ ly thân cháu Hữu N tiếp tục ở chung với anh Đ cùng với bà nội của cháu. Tại phiên tòa, chị T đồng ý giao cháu Hữu N cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục con chung, để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hữu N cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, do anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của anh Đ. Do đó, anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

Chị T và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung:* Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. *Về nợ chung:* Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ T đối với anh Đoàn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huệ T và anh Đoàn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Nguyễn Như H (nữ) sinh ngày 11/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Huệ T nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Huệ T chưa yêu cầu anh Đoàn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Giao cháu Đoàn Nguyễn Hữu N (nam) sinh ngày 13/01/2011 cho anh Đoàn Văn Đ nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Huệ T và anh Đoàn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huệ T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huệ T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huệ T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Thư đã nộp theo biên lai thu số 0011855 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2017). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã XP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Toàn **Lê Thị Mỹ Linh** **Ngô Thừa**